|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH HẬU GIANG**  Số: /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hậu Giang, ngày tháng 8 năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án: Xây dựng Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 98/TTr-SXD ngày 01 tháng 8 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án: Xây dựng Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án:** Xây dựng Khu công nghệ số tỉnh Hậu Giang.

**2**. **Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

**4. Mục tiêu đầu tư:** Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, nông nghiệp, sinh học trên địa bàn Tỉnh. Xây dựng hoàn thiện một phần hạ tầng của Khu Công nghệ số theo đồ án quy hoạch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**5. Quy mô đầu tư:** Diện tích sử dụng đất của dự án k**hoảng 1,523ha**. Quy mô đầu tư xây dựng: Đầu tư xây dựng mới Văn phòng làm việc; hệ thống xử lý nước thải; các hạng mục đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác và mua sắm thiết bị.

***5.1. Xây dựng mới Văn phòng làm việc:*** Khu đất xây dựng văn phòng làm việc có diện tích 2.884,8m2, diện tích xây dựng các hạng mục công trình 536,8m2, mật độ xây dựng 18,6%, hệ số sử dụng đất 0,36. Bao gồm các hạng mục: Văn phòng làm việc, nhà đặt máy phát điện và hệ thống hạ tầng kỹ thuật: sân đường, cây xanh - thảm cỏ, cấp - thoát nước ngoại vi, cấp điện - chiếu sáng ngoại vi, phòng cháy chữa cháy, chống sét.

***5.1.1. Văn phòng làm việc:***

- Quy mô xây dựng 02 tầng, diện tích xây dựng 487,8m2, tổng diện tích sử dụng 975,6m2. Trong đó: Diện tích tầng trệt là 487,8m2 và diện tích tầng lầu là 487,8m2.

- Giải pháp kiến trúc: Chiều cao công trình 10,3m (so với mặt nền hoàn thiện); chiều cao tầng trệt 3,9m, tầng lầu cao 3,9m, cao độ nền tầng trệt cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,75m. Tường xây gạch không nung, trát vữa xi măng, bả matic, sơn nước hoàn thiện. Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khung nhôm kính. Mái lợp tôn kết hợp mái bằng BTCT, xà gồ thép mạ kẽm.

- Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng cọc BTCT; Khung cột, sàn bằng BTCT, vì kèo BTCT.

- Bố trí hệ thống cấp điện, chiếu sáng, cấp - thoát nước nội vi.

***5.1.2. Nhà đặt máy phát điện:*** Quy mô xây dựng 01 tầng, diện tích xây dựng 49m2, chiều cao công trình 5,3m (so với mặt nền hoàn thiện), cao độ nền cao hơn mặt sân hoàn thiện 0,3m. Giải pháp kết cấu: Sử dụng móng cọc BTCT; Khung, cột bằng thép tiền chế, nền đan BTCT, vách khung sắt ốp tôn, mái lợp tôn, xà gồ thép mạ kẽm.

***5.1.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:***

- Sân đường: tổng diện tích sân đường là 1.170,9m2, trong đó: diện tích sân đường nội bộ trong khu đất là 1.070,9m2, diện tích đường kết nối khu đất với đường N2 là 100m2; Sân đường có kết cấu bằng đan BTCT dày 10cm.

- Cây xanh, thảm cỏ: Diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ là 718,4m2, trồng các loại cây như: cây Sao, cây Bàng, cây Giáng Hương, cây Hồng Lộc cắt col và cỏ lá gừng.

- Hệ thống cấp nước ngoại vi: Nguồn cấp nước cho công trình được đấu nối từ tuyến ống cấp nước D110 dọc tuyến đường N2, sử dụng hệ thống ống nhựa D34, D42 và các phụ kiện kèm theo.

- Hệ thống thoát nước ngoại vi :

+ Thoát nước mưa: Sử dụng cống BTCT ly tâm đúc sẵn D300, D400 và các hố ga để thoát nước mưa. Đấu nối thoát nước vào hố ga thoát nước mưa dọc đường N2.

+ Thoát nước thải: Sử dụng ống HDPE D140 và các hố ga để dẫn nước thải từ hầm tự hoại đến hố ga thu gom nước thải trên tuyến đường N2.

- Hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoại vi: Nguồn điện được cấp từ trạm biến áp trong khuôn viên khu đất, sử dụng cáp ngầm đi dưới mương cáp và luồn trong ống nhựa bảo vệ để cung cấp điện đến các khối công trình sử dụng. Chiếu sáng ngoại vi bằng đèn Led 120W, lắp trên trụ thép tráng kẽm cao 8m, số lượng 04 trụ.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

+ Xây dựng bể nước ngầm kích thước 10,4mx4,4mx2,5m có kết cấu bằng BTCT để phục vụ cấp nước chữa cháy, phía trên bể nước ngầm bố trí nhà che máy bơm kích thước 3mx2,4mx2,85m có kết cấu khung thép tiền chế, mái lợp tôn.

+ Lắp đặt trung tâm xử lý báo cháy 4 kênh, đầu báo khói, chuông báo cháy, bình chữa cháy, tủ chữa cháy, trụ chữa cháy,… và các phụ kiện kèm theo.

- Hệ thống chống sét: Lắp đặt kim thu sét có bán kính bảo vệ Rp=41m và các phụ kiện kèm theo.

***5.2. Hệ thống xử lý nước thải:***

- Công suất hệ thống xử lý nước thải là 815m3/ngày đêm, lắp đặt các thiết bị xử lý nước thải theo thiết kế công nghệ, nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, Kq = 0,9; Kf = 1), xả thải ra kênh KH9.

- Diện tích khu đất xử lý nước thải là 2.214,95m2, bao gồm các hạng mục: Cụm bể, nhà thổi khí, nhà điều hành, sân đường nội bộ, cây xanh, cổng - hàng rào, cấp - thoát nước ngoại vi, cấp điện, chiếu sáng. Trong đó:

- Cụm bể:

+ Bể thu gom: diện tích xây dựng là 25,01m2, kích thước xây dựng bể kích thước bể 6,1mx4,1mx6,8m, kết cấu: đáy, thành và nắp bằng BTCT;móng cọc BTCT.

+ Cụm bể xử lý: diện tích xây dựng: 466,55 m2, kích thước xây dựng bể 21,7mx21,5mx5,3m kết cấu: đáy, thành và nắp bằng BTCT; móng cọc BTCT.

+ Bể chứa nước dư: diện tích xây dựng là 11,13m2, kích thước xây dựng bể 5,3mx2,1mx2,5m, kết cấu: đáy, thành và nắp bằng BTCT; móng cọc BTCT.

- Nhà thổi khí: quy mô 01 trệt, diện tích xây dựng là 19,22m2, chiều cao công trình 5m, cao độ hoàn thiện nền cao hơn mặt sân 0,2m, tường xây gạch không nung, bả matit, sơn nước hoàn thiện, mái lợp tôn, xà gồ thép mạ kẽm. Kết cấu: Móng cọc BTCT, khung cột BTCT.

- Nhà điều hành: quy mô 01 trệt, diện tích xây dựng là 70,14m2, chiều cao công trình 4,9m, cao độ hoàn thiện nền cao hơn mặt sân 0,2m, tường xây gạch không nung, bả matit, sơn nước hoàn thiện, mái lợp tôn, xà gồ thép mạ kẽm. Kết cấu: Móng cọc BTCT, khung cột BTCT.

- Sân đường nội bộ: tổng diện tích sân đường là 428,39m2, có kết cấu bằng đan BTCT dày 10cm.

- Cây xanh: diện tích trồng cây xanh là 1.156,25m2, trồng cây Sao đen chiều cao ≥5m.

- Cổng - hàng rào: Cổng bằng thép, dạng 02 cánh mở, chiều rộng 5,0m. Hàng rào có tổng chiều dài 183,53m, hàng rào xây tường kín cao 2,2m so với mặt sân đường, đỉnh tường rào gắn song sắt cao 0,2m, chiều cao kết cấu cột tường rào cao 2,5m so với mặt sân đường, kết cấu: sử dụng móng cọc BTCT và đà kiềng BTCT.

- Cấp nước ngoại vi: Sử dụng ống nhựa uPVC D34 để cấp nước, đấu nối cấp nước từ tuyến ống cấp nước dọc đường N2 dẫn đến các khối công trình để sử dụng.

- Thoát nước thải: Sử dụng ống uPVC D114 và các hố ga để dẫn nước thải từ hầm tự hoại đến bể thu gom nước thải.

- Cấp điện: Nguồn điện được cấp từ trạm biến áp trong khuôn viên khu đất, sử dụng cáp ngầm đi dưới mương cáp và luồn trong ống nhựa bảo vệ để cung cấp điện đến các khối công trình sử dụng.

- Chiếu sáng: Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn đường Led năng lượng mặt trời công suất 120W lắp đặt trên trụ thép mạ kẽm cao 8m, móng trụ đèn bằng bê tông đá 1x2.

***5.3. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông:***

***5.3.1. San lấp mặt bằng:*** Cao độ san lấp: +1,6m (theo hệ cao độ Nhà nước), tổng diện tích san lấp khoảng 4.685m2. Cát san lấp được đầm chặt thành từng lớp, độ chặt yêu cầu K ≥0,90.

***5.3.2. Đường giao thông:***

*Các tuyến đường đầu tư được tổng hợp theo bảng sau:*

| **Stt** | **Tên đường** | **Lộ giới** | **Vỉa hè trái** | **Mặt đường** | **Vỉa hè phải** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Đường D2 | 20,5 | 5 | 10,5 | 5 |
| 2 | Đường N2 (đoạn phía trước Văn phòng làm việc) | 24 | 5 | 14,5 | 5 |
| 3 | Đường N2 (đoạn từ Văn phòng làm việc đến Khu xử lý nước thải) theo quy hoạch có lộ giới 24m (5-14,5-5), trong dự án chỉ đầu tư mặt đường rộng 7m và vỉa hè đắp cát, lề taluy đắp đất rộng 5m. | | | | |

- Loại đường: đường trong đô thị (đường công nghiệp).

- Vận tốc thiết kế: 40km/h.

- Mô đun đàn hồi yêu cầu: Eyc ≥ 130 Mpa.

- Loại mặt đường: cấp cao A2 (Mặt đường láng nhựa).

- Cao độ mép đường +1,48m, cao độ đỉnh gờ bó vỉa +1,80m (theo hệ cao độ Nhà nước). Kết cấu áo đường:

+ Kết cấu áo đường áp dụng cho đường D2 và Đường N2 (đoạn phía trước Văn phòng làm việc):

. Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, TC nhựa 4,5 kg/m2

. Lớp móng đá dăm nước dày 15cm.

. Lớp móng CPĐD loại 1 dày 18cm, K ≥0,98.

. Lớp móng CPĐD loại 2 dày 18cm, K ≥0,98.

. Lót vải địa kỹ thuật (cường độ chịu kéo R >15kN/m).

. Lớp cát đầm chặt K ≥0,98 dày 50cm.

. Lớp cát đầm chặt K ≥0,95 dày 30cm.

. Nền cát đầm chặt K ≥0,90.

. Lót vải địa kỹ thuật (cường độ chịu kéo R >15kN/m).

. Đào hữu cơ, bùn mương nền đường.

+ Kết cấu áo đường áp dụng cho đường N2 (đoạn từ Văn phòng làm việc đến Khu xử lý nước thải):

. Lớp móng CPĐD loại 2 dày 10cm, K ≥0,98.

. Lót vải địa kỹ thuật (cường độ chịu kéo R ≥15kN/m).

. Nền cát san lấp đầm chặt K ≥0,90.

. Đào nền đắp lề taluy.

- Vỉa hè có các lớp cấu tạo từ trên xuống như sau:

+ Lát gạch bê tông tự chèn kích thước 40x40cm.

+ Lớp cát nền đầm chặt K≥0,90.

- Gờ bó vỉa bằng bê tông đá 1x2. Tường chắn vỉa hè xây gạch thẻ dày 10cm, mặt ngoài và mặt trên được trát vữa xi măng dày 1cm.

- Trên tuyến đường bố trí vạch sơn, biển báo theo Quy chuẩn báo hiệu đường bộ.

- Trên vỉa hè các tuyến đường: trồng cây Sao có chiều cao ≥5m, bồn trồng cây kích thước 1,2m x 1,2m, kết cấu bằng bê tông đá 1x2.

***5.3.3. Hệ thống cấp nước - PCCC:***

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt sử dụng ống HDPE D110mm và các phụ kiện kèm theo, bố trí dọc dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông. Nguồn cấp nước cho dự án lấy từ đường ống cấp nước hiện hữu nằm dọc theo vỉa hè đường nội bộ của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, vị trí đấu nối tại điểm T1.1 theo hồ sơ thiết kế cơ sở phù hợp với Văn bản thỏa thuận phương án đấu nối cấp nước cho dự án.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Bố trí các trụ cứu hoả kết hợp với hệ thống cấp nước của dự án, khoảng cách giữa 2 trụ cứu hỏa không quá 150m/trụ để phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy. Thân trụ cứu hỏa bằng gang, lắp đặt trên vỉa hè các tuyến đường, chiều cao 0,7m so với vỉa hè.

***5.3.4. Hệ thống thoát nước mưa:***

- Sử dụng hệ thống cống BTCT ly tâm đúc sẵn từ D800 đến D1200 và hệ thống hố ga. Cống thoát nước nằm dưới lòng đường sử dụng cống chịu tải tương đương H30, cống thoát nước nằm dưới vỉa hè sử dụng loại cống vỉa hè. Hướng thoát nước: thoát nước qua cửa xả bằng BTCT vào kênh Tắc.

- Hố ga có kết cấu: đáy và thành hố ga bằng BTCT đá 1x2, nắp hố ga bằng đan BTCT đá 1x2, gia cố nền bằng cừ tràm.

***5.3.5. Hệ thống thoát nước thải:***

- Hệ thống thoát nước thải sử dụng hệ thống các hố ga và đường ống HDPE D315 đến D400 đi dọc dưới vỉa hè các tuyến đường. Thu gom nước thải của các khối công trình về khu xử lý nước thải của dự án.

- Hố ga: đáy và thành hố ga bằng BTCT đá 1x2, nắp hố ga bằng đan BTCT đá 1x2, gia cố nền bằng cừ tràm.

***5.3.6. Hệ thống cấp điện:***

- Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ tuyến trung thế 22kV của khu vực dọc theo đường nội bộ của Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang, điểm đấu nối cấp điện tại trụ 166/4/56/45A/8 tuyến 477VT.

- Xây dựng mới đường dây trung thế 22kV đi ngầm từ điểm đấu nối đến các trạm biến áp xây dựng mới với chiều dài tuyến khoảng 560m.

- Xây dựng mới 02 trạm biến áp với tổng công suất 410kVA, bao gồm: 01 trạm 160kVA trong khuôn viên khu đất xử lý nước thải và 01 trạm 250kVA trong khuôn viên khu đất Văn phòng làm việc.

***5.3.7. Hệ thống thông tin liên lạc:*** Hệ thống thông tin liên lạc sử dụng hệ thống các hố ga và đường ống uPVC D114 bảo vệ cáp thông tin liên lạc, đi dưới vỉa hè các tuyến đường. Điểm chờ đấu nối nguồn từ đơn vị viễn thông tại cuối đường D2.

***5.3.8. Chiếu sáng công cộng:*** Chiếu sáng dọc theo các tuyến đường giao thông: Tuyến cáp chiếu sáng đi ngầm và bố trí các đèn chiếu sáng dọc theo vỉa hè các tuyến đường, sử dụng đèn chiếu sáng dạng Led 120W, lắp trên trụ thép tráng kẽm cao 8m, cần đèn cao 2m, vươn xa 1,5m. Móng trụ đèn bằng BTCT.

***5.4. Mua sắm thiết bị:*** Đầu tư mua sắm thiết bị như: Máy phát điện, đồng hồ đo lưu lượng nước, máy bơm chữa cháy và các thiết bị phục vụ hệ thống xử lý nước thải của dự án.

**6.** **Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, lập thiết kế cơ sở, khảo sát địa hình:** Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Trung Nam.

**7. Địa điểm xây dựng:** Xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

**8. Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 1**,523ha**.

**9. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính:** Dự án nhóm B, loại công trình dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật, cấp công trình: cấp III; Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Không nhỏ hơn 50 năm.

**10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:** Thiết kế 02 bước; danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo kết quả thẩm định tại Công văn số 1366/SXD-QLXD ngày 01/8/2024 của Sở Xây dựng.

**11. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:** Tổng mức đầu tư là 50.000.000.000 đồng *(*Năm mươi tỷ đồng). Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Chi phí xây dựng: | 40.580.437.000 | đồng; |
| - Chi phí thiết bị: | 3.905.566.000 | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 967.396.000 | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 2.871.027.000 | đồng; |
| - Chi phí khác: | 1.401.099.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 274.475.000 | đồng. |

**12. Tiến độ thực hiện dự án:** Từ năm 2024 - 2027.

**13.****Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:** Nguồn vốnngân sách địa phương, dự kiến bố trí đủ nguồn vốn bằng tổng mức đầu tư theo tiến độ thực hiện dự án trong khoảng thời gian từ năm 2024 đến 2027.

**14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:** Áp dụng hình thức Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

**15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** Không.

**Điều 2.** Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định.

**Điều 3.** Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lưu: VT, NC.HQ  E:\2024\12.STT\6.KCNS\7.QĐ\_DuAndoc | **KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trương Cảnh Tuyên** |